

THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal - Vnsteel

Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal - Vnsteel trân trọng thông báo đến Quý Cổ đông của Công ty về thông tin họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, cụ thể như sau:

1. Thời gian

Vào lúc 9h00 thứ tư, ngày 10 tháng 4 năm 2024.

2. Địa điểm

Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal - Vnsteel

Địa chỉ: Số 4 đường 2A, KCN Biên Hòa II, P.Long Bình Tân, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Điều kiện tham dự

Cổ đông của Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal - Vnsteel có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chốt đến ngày 19/02/2024.

4. Nội dung và Tài liệu Đại hội.

Nội dung và Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông năm 2024 được đăng tải và cập nhật trên website của Công ty Vingal tại: www.vingal.com.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TK Công ty.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Lâm

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL - VNSTEEL

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mạ Kẽm công nghiệp VINGAL - VNSTEEL (gọi tắt là Công ty Vingal).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

1. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 19/02/2024) được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp VINGAL – VNSTEEL.

2. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Luật doanh nghiệp.

- Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

- Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.

- Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy mời tham dự Đại hội đồng cổ đông, Giấy ủy quyền (đối với đại diện cổ đông) nộp cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông để đăng ký tham dự. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có) (ghi tên cổ đông, mã số cổ đông, cổ phần sở hữu/được ủy quyền, cổ phần có quyền biểu quyết).

- Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

- Giá trị biểu quyết của phiếu bầu cử (trong trường hợp thực hiện bầu cử) được tính bằng tổng số phiếu bầu, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng thẻ biểu quyết.

- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

- Cổ đông có thể đề đạt ý kiến trực tiếp tại Đại hội hoặc ghi ra giấy và chuyển đến bàn Thư ký. Khi muốn phát biểu ý kiến, cổ đông giơ thẻ biểu quyết và chỉ phát biểu sau khi được Chủ tọa mời. Để Đại hội có chất lượng, cổ đông chuẩn bị ý kiến phát biểu ngắn gọn, rõ ràng.

3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Luật doanh nghiệp.

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

- Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội, Ban thẩm tra tư cách cổ đông.

- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

- Trong suốt quá trình diễn ra Đại hội, các cổ đông tham dự Đại hội không sử dụng điện thoại di động trong hội trường. Các cổ đông tham dự Đại hội tắt chuông điện thoại di động, nếu có nhu cầu cần thiết phải ra ngoài hội trường nói chuyện điện thoại. Các cổ đông tham dự Đại hội không nói chuyện riêng ảnh hưởng đến sự tập trung của các cổ đông khác và chất lượng Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội cử. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch, Chủ tọa Đại hội

1. Đoàn chủ tịch Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và một số thành viên do Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Chủ tịch HĐQT là chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.

3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.

4. Đoàn chủ tịch, Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

5. Để Đại hội thành công tốt đẹp đồng thời kết thúc đúng thời gian dự kiến, Chủ tọa có thể điều chỉnh chương trình Đại hội đã được thông qua nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ của Đại hội.

6. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc;

b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

1. Chủ tọa Đại hội cử một hoặc một số người làm Thư ký Đại hội.

2. Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội như: Ghi chép trình tự diễn biến cuộc họp Đại hội; Ghi lại ý kiến đóng góp của Đại biểu, Đoàn chủ tịch và các cổ đông trong suốt quá trình diễn ra Đại hội; phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội; trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT/BKS (trong trường hợp thực hiện bầu cử).

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết.

- Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông/đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

- Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội.

- Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên HĐQT/BKS theo Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty (nếu có).

- Tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

- Bàn giao lại biên bản kiểm phiếu và phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội



Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo điều 19 Điều lệ Công ty:
Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung: (theo nội dung đã gửi cổ đông)

2. Đại hội đồng cổ đông sẽ được tổ chức diễn ra trong ½ ngày hoặc 1 ngày:

Nội dung chính: Theo Chương trình Đại hội đã gửi.

Tài liệu Đại hội: Tài liệu chính thức của Đại hội do Ban tổ chức cung cấp cho các cổ đông. Ngoài tài liệu nêu trên, tất cả các tài liệu khác đều được coi là không hợp lệ.

Chương IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 11. Thông qua các Quyết định tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Cổ đông có thể biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng việc giơ thẻ biểu quyết.

b. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành ngoại trừ nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ Công ty và Khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình đại hội. Khi biểu quyết một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết lên cao; Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến.

b. Đối với từng vấn đề biểu quyết, Đoàn Chủ tịch sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến. Trường hợp Cổ đông không giơ thẻ biểu quyết thì coi như tán thành. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ thẻ biểu quyết một lần.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản đại hội. Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty.

2. Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu biểu quyết; Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Chương V ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 13. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, thì việc triệu họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết (Khoản 2, Điều 19 Điều lệ Công ty)

2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ 2 dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp (Khoản 3, Điều 19 Điều lệ Công ty).

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này gồm 6 chương 14 điều, được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp VINGAL - VNSTEEL và có hiệu lực tại Đại hội./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Vingal;
- HĐQT Vingal;
- BKS Vingal;
- Lưu: VT, TCNS, HĐQT, Thư ký cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Lâm





CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL – VNSTEEL

Thời gian: **9h00** thứ tư ngày **10 tháng 4 năm 2024**

Địa điểm: **Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal - Vnsteel**

Số 4 đường 2A, KCN Biên Hòa II, P.Long Bình Tân, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Thời gian	Nội dung
9h00 – 9h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông. - Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự và phát thẻ biểu quyết.
9h30 - 10h00	- Chào cờ, tuyên bố lý do. - Bầu Chủ tịch đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết thông qua. - Chủ tịch đoàn thông qua Quy chế tổ chức Đại hội và Chương trình Đại hội. - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
10h00 - 11h00	Các vấn đề báo cáo tại Đại hội. 1. Báo cáo kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024. 2. Báo cáo kết quả kiểm soát hoạt động kinh doanh năm 2023 của BKS. 3. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2023 đã kiểm toán. 4. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2023. 5. Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. 6. Tờ trình kế hoạch tài chính năm 2024. 7. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024. 8. Tờ trình về kế hoạch đầu tư và nguồn vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư năm 2024. 9. Tờ trình về quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2023. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024. 10. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.
11h00 - 11h15	Đại hội giải lao.
11h15 - 11h45	Đại hội thảo luận và biểu quyết.
11h45 - 12h00	- Thư ký đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội. - Đại hội biểu quyết thông qua. - Chủ tịch đoàn tuyên bố bế mạc đại hội.

TỜ TRÌNH

**Về việc đề cử thành viên tham gia Ban kiểm phiếu
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp VINGAL – VNSTEEL,

Về thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tại Điều d Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty Vingal có quy định như sau:

“d, Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.”

Thực hiện quy định trên, Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, đề cử và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua thành phần Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm các thành viên có tên sau:

- | | |
|---|-------------|
| 1. Ông Lâm Thế Kiên – Chủ tịch Công đoàn Công ty, | Trưởng ban; |
| 2. Ông Nguyễn Đại Văn – Trưởng P.Kỹ thuật Vật tư, | Thành viên; |
| 3. Ông Đinh Hoài Thương – Chuyên viên P. TCKT, | Thành viên; |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Lâm

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2023
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel.

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ hoạt động và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel;
- Căn cứ vào nghị quyết 03/NQĐHCD-VGL ngày 10/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
- Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2023 và Định hướng hoạt động năm 2024 với các nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty năm 2023, hiện nay gồm những thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Phạm Thanh Lâm Đại diện vốn Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP.	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Ông Nguyễn Huy Thọ Đại diện phần vốn Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP.	Ủy viên HĐQT	Thành viên điều hành Bổ nhiệm ngày 10/4/2023
3	Ông Nguyễn Minh Tính Đại diện phần vốn Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP.	Ủy viên HĐQT	Thành viên điều hành Miễn nhiệm ngày 10/4/2023

4	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai Đại diện phần vốn Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP.	Ủy viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Ủy viên HĐQT	Thành viên điều hành
6	Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	Thành viên không điều hành

2. Thù lao Hội đồng quản trị.

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Họ và tên	Kế hoạch	Thực hiện	Tháng quyết toán	Tổng cộng	Ghi chú
1	Ông Phạm Thanh Lâm	5	5	12	60	CT HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	4	4	12	48	UV HĐQT
3	Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	4	4	12	48	UV HĐQT
Tổng cộng					156	

(Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm không nhận thù lao).

Tổng cộng thực hiện thù lao hội đồng quản trị năm 2023 là: 156 triệu đồng.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty luôn trung thành với lợi ích của Cổ đông, Công ty. Thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng và theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, nhằm đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, ổn định và ngày càng phát triển.

Hội đồng quản trị đã hoàn thành các nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đề ra.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức lấy ý kiến biểu quyết các thành viên Hội đồng quản trị bằng email giữa 02 kỳ họp. Nội dung các nghị quyết thông qua đều thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành các hoạt động sản xuất của Công ty một cách hiệu quả, kịp thời.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức 05 cuộc họp thường kỳ qua email và 4 lần lấy ý kiến bằng email. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia với tỷ lệ như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số cuộc họp	Số cuộc phải tham dự	Số cuộc họp đã tham dự	Ghi chú
1	Phạm Thanh Lâm	CT HĐQT	5	5	5	
2	Ông Nguyễn Huy Thọ	UV HĐQT	4	4	4	
3	Ông Nguyễn Minh Tính	UV HĐQT	1	1	1	
4	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	UV HĐQT	5	5	5	
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	UV HĐQT	5	5	5	
6	Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	UV HĐQT	5	5	5	

- Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có mời các thành viên Ban kiểm soát tham gia.
- Ngoài các cuộc họp, các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi với Ban kiểm soát và Ban điều hành giám sát hoạt động điều hành thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua năm 2023.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã nhận báo cáo quý, năm và tham gia các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2023

1. Phương pháp kiểm tra, giám sát

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành thông qua các Nghị quyết của các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.
- Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và báo cáo tài chính định kỳ, Hội đồng quản trị thực hiện trao đổi và chất vấn các hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các chiến lược, mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2023.
- Thông qua các báo cáo chi tiết của Ban điều hành về tiến độ thực hiện cũng như các vấn đề khó khăn thuận lợi trong quá trình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Căn cứ các báo cáo Ban kiểm soát và phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát nắm bắt tình hình điều hành sản xuất kinh doanh, trao đổi thẳng thắn đóng góp ý kiến với Ban điều hành để hoàn thành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.
- Hội đồng quản trị trao đổi, thảo luận chi tiết các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát với tư cách là kiểm soát viên đại diện cho các nhà đầu tư và các ý kiến của thành viên Ban kiểm soát đều được Hội đồng quản trị xem xét cân nhắc cẩn trọng trong các quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Kết quả giám sát.

- Trong năm 2023, Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh đầy đủ, minh bạch và tuân thủ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
- Ban điều hành với tinh thần cầu thị, có nhiều nỗ lực và trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Tổng giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất của Công ty một cách cẩn trọng có hiệu quả mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các mặt hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị kịp thời có ý kiến chỉ đạo. Tổ chức triển khai thực hiện đúng các chính sách, chế độ theo đúng quy định Pháp luật và các chế độ đối với người lao động Công ty.
- Ban điều hành Công ty đã phối hợp hoạt động tốt và tinh thần đoàn kết nội bộ của cán bộ quản lý đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và gắn kết hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tạo điều kiện thuận lợi hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra và đưa Công ty ngày càng phát triển.

3. Kết quả điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông giao như sau:

3.1 Thực hiện sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu	Năm 2023		Thực hiện năm 2022	So sánh (%)	
	Kế hoạch	Thực hiện		Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022
1	2	3	4	5 = 3/2	6 = 3/4
1. Sản xuất (tấn)	36.800	39.512	36.852	107,37	107,22
<i>Mạ gia công</i>	34.400	37.837	34.583	109,99	109,41
<i>Sản phẩm cơ khí</i>	2.400	1.675	2.269	69,81	73,84

2. Tiêu thụ (tấn)	36.800	39.529	37.502	107,42	105,41
- Mạ gia công	34.400	37.766	35.245	109,78	107,15
- Sản phẩm cơ khí	2.400	1.763	2.256	73,47	77,70
Doanh thu (tr. đ)	340.000	335.512	381.641	98,68	87,91
- Trong nước		244.698	250.813		97,56
- Xuất khẩu		90.814	130.828		69,41
Lợi nhuận trước thuế (tr.đ)	20.000	22.161	23.183	110,80	95,59
Lợi nhuận sau thuế (tr. đ)	15.850	17.440	18.470	110,03	94,42
Thu nhập BQ /tháng/ người (tr. đ)	17.530	17.805	17.535	101,57	101,54

Kết luận:

- ✓ Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, năm 2023 tình hình kinh tế thế giới đang phải đối mặt với rất nhiều rủi ro như: tăng trưởng chậm, bất ổn địa chính trị toàn cầu gia tăng đã ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội, tác động trực tiếp đến nền kinh tế trong nước. Tuy nhiên, công ty đã liên tục cập nhật, nắm bắt tình hình thị trường để kịp thời đề ra các giải pháp linh hoạt trong sản xuất, áp dụng nhiều giải pháp cải tiến công nghệ nhằm giảm tiêu hao vật tư, nỗ lực tiết giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để tăng hiệu quả hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp
- ✓ So với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua Ban điều hành đã vượt mục tiêu kết quả sản xuất kinh doanh đề ra. Trong đó, sản lượng sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận đạt được đều vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể như sau:
 - Sản lượng tiêu thụ vượt kế hoạch 7,4%.
 - Doanh thu bằng 98,7% kế hoạch.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2023 vượt kế hoạch 10,8%.
 - Thu nhập bình quân người lao động tăng gần 1,6% so với kế hoạch.
- ✓ Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 so với năm 2022 cụ thể như sau:
 - Sản lượng tiêu thụ tăng 5,4%. so với năm 2022
 - Doanh thu năm 2023 đạt 87,91% so với năm 2022.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 95,59 so với năm 2022.
 - Thu nhập bình quân người lao động tăng 1,5% so với năm 2022.

3.2. Thực hiện đầu tư

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện kế hoạch Đầu tư được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua như sau:

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tr đồng)	Giá trị giải ngân (tr đồng)	Ghi chú
1	Cải tạo nhà kho số 4 phân xưởng Mạ	980	951,30	Hoàn thành quyết toán trong T6/2023
2	Đầu tư mua sắm cầu trục 3 tấn Phân xưởng Mạ	500	422,40	Hoàn thành quyết toán trong T12/2023
	Tổng cộng	1.480	1.373,70	

- Công tác đầu tư được thực hiện theo kế hoạch, trong năm 2023 đã thực hiện hoàn thành quyết toán 02 hạng mục đầu tư. Tổng giá trị giải ngân trong năm 2023 là 1.373,7 triệu đồng.

Kết luận:

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2023

- Ban điều hành thực hiện các hạng mục đầu tư theo đúng kế hoạch được duyệt và đã xem xét cẩn trọng không thực hiện các hạng mục chưa thiết thực.
- Các hạng mục đầu tư hoàn thành đưa vào vận hành đã góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trình tự triển khai các hạng mục đầu tư đã tuân thủ theo quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư.

III. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Khó khăn:

- Năm 2023, tình hình kinh tế thế giới đang phải đối mặt với rất nhiều rủi ro như: tăng trưởng chậm, bất ổn địa chính trị toàn cầu gia tăng đã ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội, tác động trực tiếp đến nền kinh tế trong nước;
- Sự biến động của tình hình thị trường thế giới đã và đang ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động xuất khẩu của Công ty, nhất là với sản phẩm chủ lực cơ khí – mạ dùng để xuất khẩu là chủ yếu. Một số khách hàng đã phải trì hoãn việc triển khai mới các dự án, hoặc giãn tiến độ, kéo dài thời gian giao hàng. Các sản phẩm truyền thống, chủ lực của Công ty xuất sang thị trường Mỹ, các nước Châu Âu gặp rất nhiều khó khăn do nhu cầu sụt giảm mạnh;
- Trong nước, các dự án đầu tư công về giao thông, xây dựng chậm triển khai, nhiều dự án ngừng thi công do thiếu vốn đã và đang làm giảm nhu cầu về sản phẩm mạ kẽm, thị trường hàng mạ kẽm nóng khan hiếm. Cùng với đó, sự xuất hiện thêm các nhà sản xuất mạ kẽm nóng mới đi vào hoạt động, như công ty mạ Chien You (bắt đầu hoạt động từ tháng 05/2023) có công suất

tương đương, làm cho cuộc cạnh tranh về giá, thị phần cũng như nhân lực lao động giữa các nhà sản xuất mạ kẽm, cơ khí ngày càng thêm gay gắt.

Thuận lợi:

- Năm 2023, tuy ảnh hưởng tiêu cực từ nền kinh tế giới nhưng kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục được duy trì ổn định, đặc biệt là vào các tháng cuối năm, khi nhu cầu của thị trường hàng mạ kẽm nhúng nóng có sự gia tăng về hàng kết cấu giao thông, kết cấu nhà xưởng.
- Thương hiệu Vingal về sản phẩm mạ kẽm nhúng nóng tiếp tục được giữ vững và khẳng định độ tin cậy cao trên thị trường nhờ vào công nghệ tạo vân hoa trên bề mặt sản phẩm được khách hàng đánh giá cao về chất lượng và tính thẩm mỹ, đặc biệt là chủ đầu tư các dự án trọng điểm về giao thông, xây dựng, năng lượng rất ưa chuộng.
- Việc triển khai các giải pháp cải tiến về công nghệ nhằm giảm tiêu hao vật tư, nguyên liệu trong thời gian qua ngày càng ổn định và có hiệu quả, đảm bảo việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.
- Tăng cường mở rộng thị trường, giữ vững các khách hàng cũ, tìm kiếm các khách hàng mới, các đối tác chiến lược để phát triển thêm thị trường trong và ngoài nước ngày càng phát huy hiệu quả bằng chính sách giá bán linh hoạt để tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận với khách hàng.
- Dây chuyền thiết bị của Công ty hoạt động ổn định; Công ty đã tận dụng được sự đồng bộ, liên tục từ cán ống, gia công cơ khí và mạ kẽm nên giảm được chi phí sản xuất, tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm cơ khí có yêu cầu về mạ nhúng nóng

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, kết hợp với các yếu tố nhận định tình hình, đánh giá những khó khăn, thuận lợi như trên, Hội đồng quản trị dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông các kế hoạch năm 2024 như sau:

1. Kế hoạch Hội đồng quản trị năm 2024

1.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1. Sản xuất (tấn)	Tấn	36.500	
Mạ gia công	Tấn	34.400	
Sản phẩm cơ khí	Tấn	2.100	
2. Tiêu thụ (tấn)	Tấn	36.500	



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự kiến kế hoạch năm 2024	Ghi chú
Mạ gia công	Tấn	34.400	
Sản phẩm cơ khí	Tấn	2.100	
3. Doanh thu (tr.đồng)	Triệu đồng	320.000	
Trong nước	Triệu đồng	230.000	
Xuất Khẩu	Triệu đồng	90.000	
4. Lợi nhuận			
Trước thuế	Triệu đồng	20.000	
Sau thuế	Triệu đồng	15.850	
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH (ROE)	%	13,36	
6. Thu nhập BQ NLĐ /người/tháng	Triệu đồng	17,847	

1.2 Kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
	Kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ	Tr.đồng	1.960	
1	Mua sắm Cầu trục một dầm (5T+5T) x 18,9M	Tr.đồng	4.500	
2	Đầu tư mua sắm xe nâng 6 tấn	Tr.đồng	2.200	
3	Đầu tư mua sắm máy cắt Fiber laser CNC 6KW	Tr.đồng	2.000	
	Tổng	Tr.đồng	8.700	

Tổng mức đầu tư cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư năm 2024 là: 8,7 tỷ đồng.

2. Định hướng Hội đồng quản trị năm 2024

Hội đồng quản trị định hướng như sau:

- Hội đồng quản trị tích cực thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị cũng tăng cường giám sát, hỗ trợ ban điều hành nâng cao năng lực quản trị, quản trị rủi ro và sử dụng vốn hiệu quả; đảm bảo hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật
- Chỉ đạo Ban điều hành tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm. Mở rộng thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng để thương hiệu Công ty ngày càng lớn mạnh trên thị trường và đạt được tín nhiệm cao của khách hàng.
- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Xây dựng môi trường làm việc an toàn, văn minh để người lao động nỗ lực đóng góp giúp Công ty ngày càng phát triển.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Xem phụ lục đính kèm).

Năm 2023, Công ty đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC bao gồm:

- Báo cáo của Ban Giám Đốc
- Báo cáo kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị. Kính trình Quý cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Lâm



Biên hòa, ngày 30 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Kết quả giám sát thực hiện kế hoạch Quý IV & cả năm 2023

I — THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ông : Trần Tô Tử — Trưởng Ban Kiểm Soát
- Ông : Triệu Anh Vũ — Thành viên BKS
- Ông : Nguyễn Công Thủy — Thành viên BKS (Đã nghỉ hưu từ tháng 7-2023)

II — NỘI DUNG KIỂM TRA — GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Kết quả thực hiện Nghị Quyết của Đại Hội Cổ Đông và Nghị Quyết của HĐQT

STT	NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT	THỰC HIỆN CỦA BAN ĐIỀU HÀNH			Ý KIẾN của BKS
		Chưa làm	Đang làm	Đã làm	
I	Nghị Quyết của Đại Hội Đông Cổ Đông Số....-NQDHDCD-VGL ngày		Đang triển khai		
II	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1/2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/ 2023.			Đã thực hiện	

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV và cả năm 2023

- a) Thống nhất với báo cáo tài chính và báo cáo kết quả SXKD Quý IV và cả năm 2023 của Ban Điều Hành
- b) Những nội dung chưa thống nhất với Báo cáo của Ban Điều Hành: không có

3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và BDH theo luật pháp và điều lệ, quy chế của Công ty .

- a) HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện tốt, linh hoạt các hoạt động SXKD và tuân thủ nghiêm túc theo điều lệ công ty.
- b) Ban Điều Hành đã tuân thủ theo Điều lệ và theo luật định về việc ký kết các hợp đồng kinh tế có liên quan đến các đối tác là các cổ đông lớn của Công ty.
- c) Những ý kiến đóng góp và khuyến nghị của HĐQT và Ban Kiểm soát đã được Ban Điều Hành tiếp thu và có giải trình thỏa đáng.



III – NHẬN ĐỊNH VÀ KIẾN NGHỊ

A – Trong bối cảnh nền kinh tế suy thoái nghiêm trọng, Ban Điều hành đã có những nỗ lực cao để thực hiện tốt kế hoạch Quý IV và cả năm 2023. Cụ thể qua các phân tích sau:

1- Doanh thu giảm 12.0% nhưng Lợi nhuận chỉ giảm 5,60% so cùng kỳ năm trước

2- Hiệu quả trong năm 2023 tuy có giảm nhưng chỉ giảm nhẹ so cùng kỳ năm trước:

- Tỷ suất Lợi nhuận trên Vốn CSH (ROE) giảm từ 15,3% xuống 14,85%
- Đặc biệt, tỷ suất Lợi nhuận trên Doanh thu (ROS) tăng từ 4,84% lên 5,20%
- Riêng Tỷ suất Lãi gộp / Doanh thu đã tăng từ 14,15% lên 15,69% cho thấy trong quá trình sản xuất đã thực hiện tốt các định mức tiêu hao nguyên vật liệu và lao động.

3- Trạng thái tài chính: lành mạnh.

- Nợ phải trả giữ bằng cùng kỳ năm trước, đảm bảo tỷ lệ Nợ/Vốn vẫn còn dưới mức cho phép rất xa (Nợ/Vốn không quá 2 lần)
- Khả năng thanh toán tốt*, đảm bảo an toàn: tài sản ngắn hạn gấp 4,0 lần nợ phải trả ngắn hạn.

	NĂM 2022	NĂM 2023	+/-
Sản lượng	37.515	39.529	105,41
Doanh thu	381,641	335,512	87.9%
Lãi gộp	54.013	52.668	97.5%
Lợi nhuận ròng sau thuế	18.47	17.44	94.4%
Vốn Chủ Sở Hữu	120.745	117.435	97.3%
Nợ phải trả	21.218	30.131	142.0%
Tài sản ngắn hạn	112.257	122.241	108.9%
Lãi gộp / Doanh thu	14.15	15.69	
Lợi nhuận ròng / Doanh thu (ROS)	4,84	5,20	
Lợi nhuận ròng / Vốn CSH (ROE)	15,3	14,85	
Nợ phải trả / Vốn CSH	0.18	0.26	
Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	5.29	4.06	

B — Đề nghị Ban Điều hành cần xác định rõ Kế hoạch lợi nhuận 20 tỷ của năm 2024 là lợi nhuận trước thuế hay sau thuế?

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Tô Tử

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2023 ĐÃ KIỂM TOÁN

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên tổ chức ngày 31 tháng 3 năm 2021;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2023 như sau:

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	31/12/2023	01/01/2023
A	TÀI SẢN		
<i>I</i>	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	122.241.461.094	112.257.826.006
<i>II</i>	<i>Tài sản dài hạn</i>	25.325.532.135	29.706.007.672
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	147.566.993.229	141.963.833.678
B	NGUỒN VỐN		
<i>I</i>	<i>Nợ phải trả</i>	30.131.183.703	21.218.145.709
<i>II</i>	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	117.435.809.526	120.745.687.969
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	147.566.993.229	141.963.833.678

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

ĐVT: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2023	NĂM 2022
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	10	335.511.963.796	381.641.186.027
Giá vốn hàng bán	11	282.843.400.029	327.628.185.593
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	52.668.563.767	54.013.000.434
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22.160.581.610	23.183.379.606
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	17.440.254.557	18.469.980.227
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.870	1.755

Kính đề nghị quý cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Lâm

Số: 028/TTr - VGL

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán năm 2023

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vinal - Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vinal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán bao gồm:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Lâm

Số: 029/TTr-VGL

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2023

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021.
- Căn cứ vào kế hoạch phân phối lợi nhuận Công ty Vingal năm 2023.
- Căn cứ vào lợi nhuận thực tế tại Công ty Vingal năm 2023.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2023 cho các cổ đông đầu tư vào Công ty Vingal. Hội đồng Quản trị Công ty Vingal trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

Lợi nhuận chưa phân phối	:	1.134.017.705 đồng.
Lợi nhuận sau thuế năm 2023	:	17.440.254.557 đồng.
Tổng cộng Lợi nhuận chưa phân phối	:	18.574.272.262 đồng.
Trả cổ tức 15%	:	13.987.732.500 đồng.
Trích quỹ	:	2.719.030.000 đồng.
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý công ty</i>	:	238.200.000 đồng.
<i>Quỹ phúc lợi</i>	:	2.108.705.500 đồng.
<i>Quỹ khen thưởng NLD</i>	:	372.124.500 đồng.
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	1.867.509.762 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Lâm

Số: 030/TTr-VGL

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty Vingal.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc điều hành sản xuất kinh doanh tại Công ty Vingal. Hội đồng Quản trị Công ty Vingal trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024 dự kiến

Các chỉ tiêu chính như sau:

Tổng doanh thu	: 320.000 triệu đồng
Sản lượng	: 36.500 tấn
Mạ Gia công	: 34.400 tấn
Sản phẩm cơ khí	: 2.100 tấn
Lợi nhuận trước thuế	: 20.000 triệu đồng
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH (ROE)	: 13,36 %
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tài sản (ROA)	: 10,68 %
Cổ tức	: 14 %/năm

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Lâm

Số: 031 /TTr-VGL

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2024

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty Vingal.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc điều hành sản xuất kinh doanh tại Công ty Vingal. Hội đồng Quản trị Công ty Vingal trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua kế hoạch tài chính năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (tr.đ)	Ghi chú
1	Nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn bình quân cần cho hoạt động SXKD	87.264	
2	Nhu cầu vốn trung dài hạn cần cho hoạt động đầu tư XDCB	8.700	
Tổng cộng		95.964	
Vốn tự đáp ứng ngày 31/12/2023		91.110	
Vốn Công ty còn thiếu phải bù đắp thêm		3.854	
Vay ngắn hạn		3.854	
Dự kiến vốn lưu động hàng tháng phải bổ sung là:		321	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Phạm Thanh Lâm

Số: 032/TTr-VGL

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thông qua

Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Vingal năm 2024.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông đầu tư vào Công ty Vingal. Hội đồng Quản trị Công ty Vingal trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua việc kế hoạch phân phối lợi nhuận như sau:

Lợi nhuận chưa phân phối	:	1.867.509.762 đồng
Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2024	:	15.850.000.000 đồng
Tổng cộng lợi nhuận năm 2024	:	18.650.025.262 đồng
Trả cổ tức 14%	:	13.055.217.000 đồng
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	2.794.783.000 đồng
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	1.867.509.762 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông ;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Lâm

Số: 033/TTr-VGL

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Đại hội đồng cổ đông thông qua
Quyết toán thực hiện tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2023
Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2024**

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal- Vnsteel (sau đây gọi là Công Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2021;
- Căn cứ vào tình hình thực tế Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Vingal kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023

Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, mức thù lao của thành viên không chuyên trách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty Vingal như sau:

STT	Chức danh	Kế hoạch (triệu đồng/ tháng)	Thực hiện (triệu đồng/ tháng)	Tháng quyết toán (tháng)	Số thù lao quyết toán (triệu đồng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	5	5	12	60	
2	Ủy viên HĐQT	4	4	24	96	02 UV
3	Trưởng BKS	4	4	12	48	
4	Thành viên BKS	3	3	24	72	02 TV
Tổng cộng					276	

Tổng Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 là: 276.000.000 đồng.

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2024 của thành viên không chuyên trách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Lâm

Số: 034/TTr-VGL.

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thông qua
Kế hoạch đầu tư năm 2024

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal
- Vnsteel được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 31/3/2021 (sau đây gọi là Công ty Vingal);
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty Vingal.

Hội đồng Quản trị Công ty Vingal trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận biểu quyết thông qua và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2024 như sau:

STT	Tên thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
I	Kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ			
1	Mua sắm Cầu trục một dầm (5T+5T)x 18,9M	Tr.đồng	4.500	
2	Đầu tư mua sắm xe nâng 6 tấn	Tr.đồng	2.200	
3	Đầu tư mua sắm máy cắt Fiber laser CNC 6KW	Tr.đồng	2.000	
Tổng		Tr.đồng	8.700	

Tổng mức đầu tư cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư năm 2024 là: 8,7 tỷ đồng.
Nguồn vốn: Vốn doanh nghiệp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Lâm

Số: 041/TTr - VGL

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập
kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 Công ty Vingal về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Vingal như sau:

I. Yêu cầu đối với công ty kiểm toán độc lập:

1- Công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và thuộc danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2024 do Ủy ban nhà nước công bố.

2- Công ty kiểm toán có uy tín, chất lượng kiểm toán, đáp ứng các yêu cầu về tiến độ và thời gian hoàn thành kiểm toán và có mức phí phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

II. Đề xuất của Ban kiểm soát:

Để đảm bảo thuận lợi cho việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Vingal, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Vingal đàm phán, thương lượng để lựa chọn một (01) trong năm (05) Công ty kiểm toán sau:

- 1 – Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;
- 2 – Công ty TNHH PWC (Việt Nam);
- 3 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- 4 – Công ty TNHH Ernst & Young Việt nam;
- 5 – Công ty TNHH KPMG.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, BKS, Thư ký công ty



DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL - VNSTEEL

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020.
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021.
- Căn cứ vào nội dung Biên bản họp đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 4 năm 2024.
- Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL – VNSTEEL
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Hội đồng quản trị (đính kèm báo cáo).
2. Báo cáo kết quả giám sát thực hiện kế hoạch năm 2023 của Ban kiểm soát (đính kèm báo cáo).
3. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2023 đã kiểm toán (đính kèm Báo cáo).
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 (đính kèm Tờ trình).
5. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2023 (đính kèm Tờ trình).
6. Tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 (đính kèm Tờ trình).
7. Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (đính kèm Tờ trình).

8. Tờ trình thông qua kế hoạch tài chính năm 2024 (*đính kèm Tờ trình*).
9. Tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2024 (*đính kèm Tờ trình*).
10. Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 (*đính kèm Tờ trình*).
11. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 (*đính kèm Tờ trình*).

Điều 2: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty, các Phòng, Ban liên quan và cổ đông Công ty có nghĩa vụ thi hành Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel thông qua toàn văn tại Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel. Số 4 đường 2A, KCN Biên Hòa II, P.Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các cơ quan, tổ chức liên quan;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Phạm Thanh Lâm

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL - VNSTEEL**

**9h00 ngày 10/4/2024 tại Công ty CP Mạ kẽm công nghiệp Vingal-Vnsteel
Địa chỉ: số 4, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, phường Long Bình Tân, Tp Biên Hòa, Đồng Nai.**

MẪU

THẺ BIỂU QUYẾT

HỌ TÊN CỔ ĐÔNG : Lâm Thế A
MÃ SỐ CỔ ĐÔNG : VGL 058
SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU/ĐƯỢC ỦY QUYỀN : 200

SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT: 200

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KÉM CÔNG NGHIỆP VINGAL - VNSTEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 33
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL (tên cũ: Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm Mạ Công nghiệp Vingal), tên tiếng Anh: Vingal - VNSTEEL Industries Joint Stock Company. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên theo Nghị quyết số 44/NQ-VNS ngày 25/11/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Sản xuất Sản phẩm mạ Vingal thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600239028 ngày 30 tháng 06 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 17 tháng 04 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Thanh Lâm	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	
Ông Nguyễn Huy Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2023
Ông Nguyễn Minh Tính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/04/2023
Ông Nguyễn Minh Tính	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/04/2023
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Tô Từ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Công Thủy	Thành viên
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Thọ

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2024

10
3 T
MH
EM
1 S
EM

328 - C
Y
N
NGHIỆP
TEEL
ĐỒNG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL được lập ngày 01 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Đào Trung Thành
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		122.241.461.094	112.257.826.006
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	43.026.678.680	32.846.034.283
111	1. Tiền		15.226.678.680	16.846.034.283
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.800.000.000	16.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.137.603.752	16.353.179.196
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	20.910.039.141	16.098.263.778
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	183.689.000	205.665.318
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	43.875.611	49.250.100
140	IV. Hàng tồn kho	07	54.692.455.336	61.648.318.211
141	1. Hàng tồn kho		55.002.978.325	61.949.389.888
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(310.522.989)	(301.071.677)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.384.723.326	1.410.294.316
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	458.749.505	276.149.255
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.925.973.821	1.134.145.061
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.325.532.135	29.706.007.672
220	II. Tài sản cố định		25.299.062.705	29.706.007.672
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	24.552.083.534	28.818.763.924
222	- Nguyên giá		139.893.345.397	138.640.766.306
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(115.341.261.863)	(109.822.002.382)
227	2. Tài sản cố định vô hình	09	746.979.171	887.243.748
228	- Nguyên giá		1.044.241.687	1.044.241.687
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(297.262.516)	(156.997.939)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.469.430	-
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.a	26.469.430	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		147.566.993.229	141.963.833.678

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		30.131.183.703	21.218.145.709
310	I. Nợ ngắn hạn		30.131.183.703	21.218.145.709
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	12.891.089.051	3.960.339.314
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	1.525.331.648	1.797.464.472
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.378.773.105	1.150.635.499
314	4. Phải trả người lao động		12.953.682.912	13.244.795.390
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		64.446.700	62.650.900
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	564.616.948	448.164.142
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		753.243.339	554.095.992
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		117.435.809.526	120.745.687.969
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	117.435.809.526	120.745.687.969
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		93.251.550.000	93.251.550.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		93.251.550.000	93.251.550.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.609.987.264	5.609.987.264
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.574.272.262	21.884.150.705
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.134.017.705	3.414.170.478
421b	LNST chưa phân phối năm nay		17.440.254.557	18.469.980.227
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		147.566.993.229	141.963.833.678

Phạm Thị Phương Thảo
Người lập

Lê Sơn Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	335.511.963.796	381.641.186.027
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		335.511.963.796	381.641.186.027
11	4. Giá vốn hàng bán	18	282.843.400.029	327.628.185.593
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.668.563.767	54.013.000.434
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	641.832.490	648.789.599
22	7. Chi phí tài chính	20	92.375.099	413.429.914
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	122.355.032
25	8. Chi phí bán hàng	21	9.757.501.513	9.354.448.443
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	21.200.017.254	21.764.282.902
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.260.502.391	23.129.628.774
31	11. Thu nhập khác	23	208.266	105.486.260
32	12. Chi phí khác	24	100.129.047	51.735.428
40	13. Lợi nhuận khác		(99.920.781)	53.750.832
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.160.581.610	23.183.379.606
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	4.746.796.483	4.713.399.379
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26.b	(26.469.430)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.440.254.557	18.469.980.227
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.870	1.755


Phạm Thị Phương Thảo
Người lập


Lê Sơn Nam
Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		22.160.581.610	23.183.379.606
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.659.524.058	6.037.801.805
03	- Các khoản dự phòng		9.451.312	3.029.114
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.089.130	74.028.947
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(420.332.208)	(291.761.603)
06	- Chi phí lãi vay		-	122.355.032
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.410.313.902	29.128.832.901
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.590.111.055)	6.475.377.541
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.946.411.563	13.079.699.358
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.509.078.192	(2.789.835.096)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(182.600.250)	18.165.142
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(122.355.032)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.546.905.028)	(5.323.996.840)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.900.675.653)	(2.131.756.411)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		29.645.511.671	38.334.131.563
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.252.579.091)	(3.579.870.370)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	87.768.244
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		432.765.085	173.552.263
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(819.814.006)	(3.318.549.863)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	29.036.049.690
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(29.036.049.690)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.645.389.000)	(18.631.025.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(18.645.389.000)	(18.631.025.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.180.308.665	16.384.556.700

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.846.034.283	16.535.506.530
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		335.732	(74.028.947)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>43.026.678.680</u>	<u>32.846.034.283</u>

Phạm Thị Phương Thảo
Người lập

Lê Sơn Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL (tên cũ: Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm Mạ Công nghiệp Vingal), tên tiếng Anh: Vingal - VNSTEEL Industries Joint Stock Company. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên theo Nghị quyết số 44/NQ-VNS ngày 25/11/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Sản xuất Sản phẩm mạ Vingal thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600239028 ngày 30 tháng 06 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 17 tháng 04 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 93.251.550.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 93.251.550.000 VND; tương đương 9.325.155 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 218 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 212 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Mạ kẽm nhúng nóng, mạ kẽm công nghiệp;
- Sản xuất ống thép công nghiệp các loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường và còn nhiều thách thức, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, mức lạm phát duy trì đà tăng trong dài hạn dẫn đến việc thắt chặt chính sách tiền tệ, ảnh hưởng trực tiếp tới các dự án đầu tư công đặc biệt là các dự án giao thông. Cùng với đó, thị trường xuất khẩu giảm, chi phí vận chuyển tăng cao, thị phần mạ kẽm trong nước cạnh tranh ngày càng gay gắt dẫn tới sản lượng tiêu thụ trong năm giảm, đồng thời đơn giá bán và đơn giá nguyên vật liệu đầu vào trong năm nay đều có xu hướng giảm so với năm trước theo biến động chung trên thị trường, do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 46,13 tỷ đồng, tương đương giảm 12,09% so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

12390
NG TY
PHẦN
ÔNG N
-VNSTE
-T.Đ

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 38	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 08	năm
- Các tài sản khác	15	năm
- Phần mềm quản lý	06 - 10	năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03	năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 12 tháng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền điện... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	45.620.483	46.541.451
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.181.058.197	16.799.492.832
Các khoản tương đương tiền (*)	27.800.000.000	16.000.000.000
	<u>43.026.678.680</u>	<u>32.846.034.283</u>

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 27.800.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,9%/năm đến 3,2%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	53.224.648	-	274.272.110	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	53.224.648	-	274.272.110	-
<i>Bên khác</i>	20.856.814.493	-	15.823.991.668	-
- Công ty TNHH Sơn Trương	2.465.486.919	-	4.250.611.486	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đông Phương	2.679.052.406	-	369.592.252	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Xây dựng Đông Nam	1.551.714.791	-	1.597.805.983	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	914.245.208	-	1.279.705.358	-
- TUUCI LLC	3.082.826.348	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ Cao SIBA	2.816.462.383	-	47.839.497	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.347.026.438	-	8.278.437.092	-
	20.910.039.141	-	16.098.263.778	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Esa Pyronics International	-	-	167.677.718	-
- Công ty TNHH MTV Môi trường Phúc An Khang	66.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Nhật Sáng	49.384.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	68.305.000	-	37.987.600	-
	183.689.000	-	205.665.318	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lãi tiền gửi	30.038.356	-	42.471.233	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	1.963.136	-	2.211.581	-
- Tạm ứng	11.874.119	-	4.567.286	-
	43.875.611	-	49.250.100	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	-	-	876.544.000	-
- Nguyên liệu, vật liệu	39.370.321.141	(193.668.619)	43.969.566.383	(243.484.851)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.404.577.856	-	1.692.864.009	-
- Thành phẩm	10.821.906.678	(116.854.370)	15.410.415.496	(57.586.826)
- Hàng gửi đi bán	406.172.650	-	-	-
	55.002.978.325	(310.522.989)	61.949.389.888	(301.071.677)

Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL

Số 4, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư đầu năm	40.111.409.584	84.607.037.841	12.778.817.704	752.301.177	391.200.000	138.640.766.306					
- Mua trong năm	-	384.000.000	-	-	-	384.000.000					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	868.579.091	-	-	-	-	868.579.091					
Số dư cuối năm	40.979.988.675	84.991.037.841	12.778.817.704	752.301.177	391.200.000	139.893.345.397					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	27.369.361.704	70.115.684.197	11.385.633.601	560.122.880	391.200.000	109.822.002.382					
- Khấu hao trong năm	1.384.947.416	3.718.737.268	331.446.288	84.128.509	-	5.519.259.481					
Số dư cuối năm	28.754.309.120	73.834.421.465	11.717.079.889	644.251.389	391.200.000	115.341.261.863					
Giá trị còn lại											
Tại ngày đầu năm	12.742.047.880	14.491.353.644	1.393.184.103	192.178.297	-	28.818.763.924					
Tại ngày cuối năm	12.225.679.555	11.156.616.376	1.061.737.815	108.049.788	-	24.552.083.534					

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 73.593.754.126 VND.



9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	981.241.687	63.000.000	1.044.241.687
Số dư cuối năm	<u>981.241.687</u>	<u>63.000.000</u>	<u>1.044.241.687</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	108.012.520	48.985.419	156.997.939
- Khấu hao trong năm	126.249.996	14.014.581	140.264.577
Số dư cuối năm	<u>234.262.516</u>	<u>63.000.000</u>	<u>297.262.516</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	873.229.167	14.014.581	887.243.748
Tại ngày cuối năm	<u>746.979.171</u>	<u>-</u>	<u>746.979.171</u>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 104.241.687 VND.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	152.040.000	218.668.335
- Chi phí bảo hiểm	306.709.505	57.480.920
	<u>458.749.505</u>	<u>276.149.255</u>

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	341.496.897	341.496.897	680.741.858	680.741.858
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	341.496.897	341.496.897	680.741.858	680.741.858
Bên khác	12.549.592.154	12.549.592.154	3.279.597.456	3.279.597.456
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Toàn Tâm	4.458.548.257	4.458.548.257	11.657.250	11.657.250
- Công ty TNHH Thương mại Nguyên Hưng	3.770.322.455	3.770.322.455	-	-
- Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống L.P.G	918.181.521	918.181.521	819.552.907	819.552.907
- Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất - Dịch vụ Nguyên Giang	346.005.000	346.005.000	301.409.240	301.409.240
- Các khoản phải trả người bán khác	3.056.534.921	3.056.534.921	2.146.978.059	2.146.978.059
	<u>12.891.089.051</u>	<u>12.891.089.051</u>	<u>3.960.339.314</u>	<u>3.960.339.314</u>

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
- Annexe Urbains Screens Inc.	108.795.928	64.820.133
- Crowd Control Warehouse LLC	942.409.594	-
- Multi Online Distribution Inc	-	1.263.408.858
- Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	129.419.790
- Các đối tượng khác	474.126.126	339.815.691
	1.525.331.648	1.797.464.472

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	550.576.095	550.576.095	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	93.109.886	93.109.886	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.127.235.550	4.746.796.483	4.546.905.028	1.327.127.005
Thuế Thu nhập cá nhân	23.399.949	1.276.558.344	1.248.312.193	51.646.100
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.670.931	12.670.931	-
	1.150.635.499	6.679.711.739	6.451.574.133	1.378.773.105

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	234.551.141	192.232.535
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	111.853.600	106.932.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	218.212.207	148.999.007
	564.616.948	448.164.142

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	93.251.550.000	5.609.987.264	23.792.530.478	122.654.067.742
Lãi trong năm trước	-	-	18.469.980.227	18.469.980.227
Chia cổ tức	-	-	(18.650.310.000)	(18.650.310.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.728.050.000)	(1.728.050.000)
Số dư cuối năm trước	93.251.550.000	5.609.987.264	21.884.150.705	120.745.687.969
Số dư đầu năm nay	93.251.550.000	5.609.987.264	21.884.150.705	120.745.687.969
Lãi trong năm nay	-	-	17.440.254.557	17.440.254.557
Chia cổ tức (*)	-	-	(18.650.310.000)	(18.650.310.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(2.099.823.000)	(2.099.823.000)
Số dư cuối năm nay	93.251.550.000	5.609.987.264	18.574.272.262	117.435.809.526

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQĐHĐCĐ-VGL ngày 10 tháng 04 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2021	3.414.170.478
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2022	18.469.980.227
Tổng lợi nhuận chưa phân phối	21.884.150.705
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.099.823.000
Chi trả cổ tức 20%	18.650.310.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1.134.017.705

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	51,00	47.561.300.000	51,00	47.561.300.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	21,45	20.000.000.000	21,45	20.000.000.000
Ông Vũ Đình Huy	12,65	11.800.000.000	12,65	11.800.000.000
Công ty Cổ phần CIC39	9,16	8.545.150.000	9,16	8.545.150.000
Các cổ đông khác	5,74	5.345.100.000	5,74	5.345.100.000
	100	93.251.550.000	100	93.251.550.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	93.251.550.000	93.251.550.000
- Vốn góp cuối năm	93.251.550.000	93.251.550.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	106.932.600	87.647.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.650.310.000	18.650.310.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(18.645.389.000)	(18.631.025.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(18.645.389.000)	(18.631.025.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>111.853.600</u>	<u>106.932.600</u>
d) Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.325.155	9.325.155
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9.325.155	9.325.155
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	9.325.155	9.325.155
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		
e) Các quỹ công ty	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.609.987.264	5.609.987.264
	<u>5.609.987.264</u>	<u>5.609.987.264</u>

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài	Đơn vị tính	31/12/2023	01/01/2023
<p>Công ty ký hợp đồng thuê lại đất tại khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 1995 đến năm 2045. Diện tích khu đất thuê là 39.722 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p>			
b) Tài sản nhận giữ hộ			
Sản phẩm thép chưa gia công	Kg	572.966	508.185
c) Ngoại tệ các loại		31/12/2023	01/01/2023
Đồng đô la Mỹ (USD)		12.506,17	204.176,61
Đồng đô la Úc (AUD)		151,74	651,94

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Thăng Long	49.933.768	49.933.768
Công ty Cổ phần Quốc tế IEC	179.744.683	179.744.683
Công ty TNHH Lưới thép HN VRC Việt Nam	1.443.015	1.443.015
Công ty Phát triển Kinh doanh Cửu Long	7.075.508	7.075.508
XN Kết cấu Thép - Công ty Cổ phần Xây lắp Chương Dương	18.480.295	18.480.295
Công ty TNHH TM Xây dựng Đông Phương	19.622.152	19.622.152
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình 632	24.999.999	24.999.999
Doanh nghiệp tư nhân Đại Long	25.000.037	25.000.037
Công ty Cổ phần Xây dựng 44	43.831.949	43.831.949
Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng 45-1	316.211.586	316.211.586
Các đối tượng khác	226.694.369	226.694.369
	913.037.361	913.037.361

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	71.582.088.438	106.191.040.179
Doanh thu cung cấp dịch vụ	251.853.333.192	257.273.709.595
Doanh thu bán vật tư phế liệu	12.076.542.166	18.176.436.253
	335.511.963.796	381.641.186.027
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)	3.539.695.200	3.760.286.180

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	64.543.838.866	91.007.841.947
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	206.328.477.185	218.698.292.015
Giá vốn vật tư phế liệu	11.961.632.666	17.919.022.517
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.451.312	3.029.114
	282.843.400.029	327.628.185.593
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)	2.632.636.544	6.285.012.068

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	420.332.208	203.993.359
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	221.500.282	444.796.240
	641.832.490	648.789.599

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	122.355.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	91.285.969	217.045.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.089.130	74.028.947
	92.375.099	413.429.914

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.489.552.560	4.376.527.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.641.584	127.849.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.300.978.743	1.526.436.377
Chi phí khác bằng tiền	3.940.328.626	3.323.635.210
	9.757.501.513	9.354.448.443
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33)</i>	231.403.075	394.960.195

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.186.045.857	1.240.656.456
Chi phí nhân công	13.146.825.567	13.054.231.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	910.442.326	847.269.101
Thuế, phí, và lệ phí	121.459.655	192.868.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	917.339.146	821.531.585
Chi phí khác bằng tiền	4.917.904.703	5.607.725.400
	21.200.017.254	21.764.282.902

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	87.768.244
Thu nhập khác	208.266	17.718.016
	208.266	105.486.260

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí bồi thường vi phạm hợp đồng	-	35.281.794
Các khoản bị phạt	9.670.931	14.703.902
Điều chỉnh thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	84.055.559	-
Chi phí khác	6.402.557	1.749.732
	100.129.047	51.735.428

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	22.160.581.610	23.183.379.606
Các khoản điều chỉnh tăng	1.101.735.263	383.617.289
- Chi phí không hợp lệ	407.215.463	153.588.342
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	74.028.947
- Điều chỉnh tăng doanh thu tính thuế	538.519.800	-
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	156.000.000	156.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(480.201.597)	-
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước	(74.028.947)	-
- Chi phí của khoản doanh thu tính thuế điều chỉnh tăng	(406.172.650)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.782.115.276	23.566.996.895
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.556.423.055	4.713.399.379
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	190.373.428	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.127.235.550	1.737.833.011
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.546.905.028)	(5.323.996.840)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh	1.327.127.005	1.127.235.550

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	26.469.430	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.469.430	-
b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(26.469.430)	-
	(26.469.430)	-

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.440.254.557	18.469.980.227
Các khoản điều chỉnh	-	(2.099.823.000)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	-	(2.099.823.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.440.254.557	16.370.157.227
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.325.155	9.325.155
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.870	1.755

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Ngoài ra, như đã trình bày tại thuyết minh số 15, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQĐHĐCĐ-VGL ngày 10 tháng 04 năm 2023 đã thông qua phương án trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, cụ thể như sau:

	Năm 2022	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	18.469.980.227	18.469.980.227
Các khoản điều chỉnh	-	(2.099.823.000)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(2.099.823.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.469.980.227	16.370.157.227
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.325.155	9.325.155
	1.981	1.755

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	221.554.804.166	262.949.457.301
Chi phí nhân công	54.691.020.548	54.869.127.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.659.524.058	6.037.801.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.319.864.353	24.852.067.629
Chi phí khác bằng tiền	9.095.632.038	9.207.229.379
	312.320.845.163	357.915.684.058

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản trương đương tiền	42.981.058.197	-	-	42.981.058.197
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.953.914.752	-	-	20.953.914.752
	63.934.972.949	-	-	63.934.972.949
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản trương đương tiền	32.799.492.832	-	-	32.799.492.832
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.147.513.878	-	-	16.147.513.878
	48.947.006.710	-	-	48.947.006.710

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	13.455.705.999	-	-	13.455.705.999
Chi phí phải trả	64.446.700	-	-	64.446.700
	<u>13.520.152.699</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>13.520.152.699</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.408.503.456	-	-	4.408.503.456
Chi phí phải trả	62.650.900	-	-	62.650.900
	<u>4.471.154.356</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.471.154.356</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	-	29.036.049.690
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	-	29.036.049.690

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh thành phẩm	Kinh doanh dịch vụ	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	71.582.088.438	251.853.333.192	12.076.542.166	335.511.963.796
Lợi nhuận từ hoạt động kinh	7.028.798.260	45.524.856.007	114.909.500	52.668.563.767
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	1.252.579.091
Tài sản bộ phận trực tiếp	56.014.915.611	36.066.008.435	538.036.410	92.618.960.456
Tài sản không phân bổ	-	-	-	54.948.032.773
Tổng tài sản	56.014.915.611	36.066.008.435	538.036.410	147.566.993.229
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	9.494.697.456	1.379.560.046	-	10.874.257.502
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	19.256.926.201
Tổng nợ phải trả	9.494.697.456	1.379.560.046	-	30.131.183.703

b) Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	293.094.056.075	42.417.907.721	335.511.963.796
Tài sản bộ phận	144.128.446.767	3.438.546.462	147.566.993.229
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	1.252.579.091

Y
 JU H.
 TOI
 C
 TP. Y
 :3600
 CÔN
 CỔ P
 KẼM CỎ
 INGAL-V
 HÒA - T

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thép VSC - POSCO (VPS)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần RedStarCera	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Trung Tâm Thương mại Quốc Tế (IBC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nasteelvina	Công ty liên doanh liên kết của Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Nissin Logistics	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics Việt Nam	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng	Công ty liên kết của Tập đoàn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.539.695.200	3.760.286.180
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	1.063.418.000	2.343.836.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	430.450.450	1.416.450.180
Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	658.383.000	-
Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	1.387.443.750	-
Mua hàng hóa, vật tư	2.632.636.544	6.285.012.068
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	35.590.840	9.700.000
Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh	-	2.749.373.575
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	2.562.109.343	3.229.562.949
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	34.936.361	296.375.544
Chi phí bán hàng	231.403.075	394.960.195
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	231.403.075	394.960.195

Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
		2.592.917.773	3.002.961.249
Ông Phạm Thanh Lâm	Chủ tịch HĐQT	96.666.666	113.333.333
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	304.600.000	658.382.000
Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	67.999.999	76.888.888
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên HĐQT	67.999.999	76.888.888
Ông Nguyễn Huy Thọ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	394.840.000	-
	<i>(Bổ nhiệm ngày 10/04/2023)</i>		
Ông Nguyễn Minh Tính	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	328.600.000	760.382.000
	<i>(Miễn nhiệm ngày 10/04/2023)</i>		
Ông Hoàng Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	558.300.000	144.490.000
	<i>(Bổ nhiệm ngày 15/08/2022)</i>		
Ông Trần Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	46.200.000	319.200.000
	<i>(Miễn nhiệm ngày 01/04/2022)</i>		
Ông Lê Sơn Nam	Kế toán trưởng	534.400.000	426.418.364
	<i>(Bổ nhiệm ngày 16/10/2021)</i>		
Ông Đỗ Bảo Trọng	Kế toán trưởng	-	74.000.000
	<i>(Miễn nhiệm ngày 31/05/2021)</i>		
Ông Trần Tô Từ	Trưởng ban kiểm soát	67.444.443	73.333.332
Ông Nguyễn Công Thủy	Thành viên BKS	75.977.778	221.200.000
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên BKS	49.888.888	58.444.444

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQĐHĐCĐ-VGL ngày 10/04/2023, do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. (Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 27).



Phạm Thị Phương Thảo
Người lập



Lê Sơn Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 02 năm 2024

